

DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH NỘI BỘ KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN NGÂN SÁCH TỈNH CỦA CÁC CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt Chủ trương đầu tư/Dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025 (*)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (*)	Đầu mối giao kế hoạch	Ghi chú
		Số QĐ, ngày/ tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					
I	BQL DỰ ÁN GIAO THÔNG TỈNH								
	Dự án điều chỉnh giảm					-52.279			
1	Dự án Đường phía Tây tỉnh (ĐT.639B) (HM: Km130+00 – Km 137+580)	711/QĐ-UBND; 10/03/2016 247/QĐ-UBND; 21/01/2022	613.792	284.163	8.380	-1.170	7.210	BQL dự án giao thông tỉnh	
2	Dự án Đường nối từ đường trục KKT Nhơn Hội đến Khu tâm linh chùa Linh Phong	1646/QĐ-UBND; 18/5/2018 3899/QĐ-UBND; 21/9/2021	167.865	167.865	11.000	-1.681	9.319	BQL dự án giao thông tỉnh	
3	Dự án Xây dựng cầu vào trụ sở mới Trung tâm Đăng kiểm phương tiện thủy, bộ Bình Định	325/QĐ-UBND; 05/02/2020 1144/QĐ-UBND; 07/04/2022	29.850	29.850	29.000	-3.026	25.974	BQL dự án giao thông tỉnh	
4	Dự án Nâng cấp, mở rộng đường qua các di tích văn hóa lịch sử Quốc gia đặc biệt và các di tích văn hóa lịch sử Quốc gia trên địa bàn huyện Tây Sơn (giai đoạn 1)	3932a/QĐ-UBND; 30/10/2015 3681/QĐ-UBND; 06/9/2021	100.000	40.000	39.934	-2.403	37.531	BQL dự án giao thông tỉnh	
5	Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Trần Nhân Tông, thành phố Quy Nhơn (đoạn từ khu dân cư phía Đông Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng đến hết Cầu số 2 qua sông Hà Thanh)	3804/QĐ-UBND; 30/10/2018 622/QĐ-UBND; 28/2/2022	129.353	129.353	90.000	-13.999	76.001	BQL dự án giao thông tỉnh	
6	Dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn Đê Gi - Mỹ Thành	3917/QĐ-UBND; 29/10/2019 3674/QĐ-UBND; 08/11/2022	611.654	355.273	310.000	-30.000	280.000	BQL dự án giao thông tỉnh	
	Dự án điều chỉnh tăng					52.279			
1	Dự án Tuyến đường tránh ĐT.633, đoạn từ Núi Ghềnh đến giáp đường ven biển (ĐT.639)	1892/QĐ-UBND; 13/6/2022	336.001	336.001	167.716	32.279	199.995	BQL dự án giao thông tỉnh	
2	Tuyến đường N5 và D5 kết nối với ranh giới Khu đất dự án xây dựng thiết chế Công đoàn	3299/QĐ-UBND; 06/9/2023	79.290	79.290		20.000	20.000	BQL dự án giao thông tỉnh	
II	BQL DỰ ÁN NNPTNT								
	Dự án điều chỉnh giảm					-16.630			
1	Đập dâng Hà Thanh 1, huyện Vân Canh	1077/QĐ-UBND; 04/04/2022	220.000	50.000	25.000	-16.630	8.370	BQL dự án NNPTNT tỉnh	
	Dự án điều chỉnh tăng					16.630			

STT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt Chủ trương đầu tư/Dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025 (*)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (*)	Đầu mối giao kế hoạch	Ghi chú
		Số QĐ, ngày/ tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					
1	Đập dâng Phú Phong, huyện Tây Sơn	5433/QĐ-UBND; 31/12/2020 3954/QĐ-UBND; 28/11/2022	754.040	204.040	135.000	16.630	151.630	BQL dự án NNPTNT tỉnh	
III	BCH QUẬN SỰ TỈNH								
	<i>Dự án điều chỉnh giảm</i>					-1.850			
1	Đường hầm Sh02-BD13	1607/QĐ-UBND; 20/6/2013 122/QĐ-UBND-m; 03/10/2019	29.050	29.050	6.350	-1.850	4.500	BCH Quận sự tỉnh	
	<i>Dự án điều chỉnh tăng</i>					1.850			
1	Đại đội VKĐ (K6): Tường rào vòng ngoài, Hệ thống cấp nước phòng cháy chữa cháy, Nâng cấp mở rộng trạm bảo dưỡng vũ khí; Nhà kho vật chất SSCĐ, Nhà ở chiến sĩ; Nhà vệ sinh; Nhà gác công; Hạ tầng kỹ thuật, Đường bê tông nội bộ tuần tra khu kỹ thuật.	4685/QĐ-UBND; 25/11/2021 4143/UBND-NC; 21/6/2023	12.639	12.639	10.000	1.850	11.850	BCH Quận sự tỉnh	
IV	UBND HUYỆN TUY PHƯỚC								
	<i>Dự án điều chỉnh giảm</i>					-3.085			
1	Nâng cấp tuyến đường Lê Công Miến, TT Tuy Phước	143/QĐ-UBND; 16/01/2018 208/QĐ-UBND; 19/01/2021	14.837	1.808	1.808	-958	850,00	UBND huyện Tuy Phước	
2	Trạm Y tế Phước Hưng, huyện Tuy Phước	61/QĐ-SKHĐT; 26/2/2021	3.386	1.385	1.692	-307	1.385	UBND huyện Tuy Phước	
3	Sửa chữa, nâng cấp Trạm y tế xã Phước Sơn	161/QĐ-SKHĐT; 31/5/2021	5.064	2.561	2.156	-88	2.068	UBND huyện Tuy Phước	
4	Đường từ ĐT.640 vào Tháp Bình Lâm	4722/QĐ-UBND; 27/11/2021	35.142	8.689	22.198	-592	21.606	UBND huyện Tuy Phước	
5	Cầu Bàn Xoài - Phước Nghĩa	4092/QĐ-UBND; 6/12/2022	22.498	8.860	10.000	-1.140	8.860	UBND huyện Tuy Phước	
	<i>Dự án điều chỉnh tăng</i>					3.085			
1	Trạm Y tế Phước An, huyện Tuy Phước	22/QĐ-SKHĐT; 18/2/2022	4.366	1.772	1.648	124	1.772	UBND huyện Tuy Phước	
2	Xây dựng cầu Hóc Công, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước	2447/QĐ-UBND; 05/7/2023	25.887	9.809	6.847	2.961	9.808	UBND huyện Tuy Phước	
V	UBND HUYỆN HOÀI AN								
	<i>Dự án điều chỉnh giảm</i>					-9.915			

STT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt Chủ trương đầu tư/Dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021- 2025 (*)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (*)	Đầu mối giao kế hoạch	Ghi chú
		Số QĐ, ngày/ tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					
1	Nâng cấp tuyến đường Ân Hữu – Đak Mang (đoạn Xuân Sơn và đoạn cầu Nước Lương đi thôn T6 xã Đak Mang)	2517/QĐ-UBND; 23/7/2019 5256/QĐ-UBND; 24/12/2020	19.461	11.639	11.639	-859	10.780	UBND huyện Hoài Ân	
2	Sửa chữa, nâng cấp Trạm Y tế TT.Tăng Bạt Hồ	657/QĐ-UBND; 25/02/2021	4.531	2.811	2.810	-1.056	1.754	UBND huyện Hoài Ân	
3	Trường THCS Ân Thạnh; hạng mục: Xây dựng 08 phòng học, 04 phòng bộ môn và hiệu bộ	5140/QĐ-UBND; 16/12/2020	12.399	6.537	7.515	-1.115	6.400	UBND huyện Hoài Ân	
4	Trường mầm non Ân Hữu (Điêm chính) nhà lớp học 02 tầng 06 phòng	1299/QĐ-UBND; 13/4/2021	5.187	3.007	3.007	-1.146	1.861	UBND huyện Hoài Ân	
5	Trường THCS Ân Nghĩa, 6 phòng học 2 PBM và khu hiệu bộ	5126/QĐ-UBND; 16/12/2020	10.016	4.934	4.934	-1.454	3.480	UBND huyện Hoài Ân	
6	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ bến xe cũ đi Trung tâm tập kết mua bán động vật tập trung và vùng sản xuất rau an toàn	3799/QĐ-UBND, 30/10/2018	14.393	8.622	1.720	-1.720	-	UBND huyện Hoài Ân	
7	Trường THCS Tăng Bạt Hồ. HM: XD mới nhà lớp học 06 phòng, 04 phòng bộ môn và nhà hiệu bộ	219/QĐ-UBND; 19/01/2021	11.619	6.011	6.335	-2.003	4.332	UBND huyện Hoài Ân	
8	Trường Tiểu học Ân Nghĩa; hạng mục: Xây dựng 10 phòng học và nhà hiệu bộ	5139/QĐ-UBND; 16/12/2020	9.067	4.567	4.787	-562	4.225	UBND huyện Hoài Ân	
	Dự án điều chỉnh tăng					9.915			
1	Xây dựng cầu vượt lũ Hiệp Định	447/QĐ-UBND 13/02/2022	35.293	20.251	15.483	4.768	20.251	UBND huyện Hoài Ân	
2	Đầu tư nâng cấp mở rộng tuyến đường từ cầu Phong Thạnh đến đường ĐT.629	2926/QĐ-UBND 09/9/2022	53.196	26.147	21.000	5.147	26.147	UBND huyện Hoài Ân	
VI	UBND HUYỆN PHÙ MỸ								
	Dự án điều chỉnh giảm					-13.010			
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ xã Mỹ Châu – thị trấn Bình Dương, đoạn từ ngã ba đường cứu hộ cứu nạn (thôn Trà Thung, xã Mỹ Châu) – giáp đường ĐT.632 (thôn Dương Liễu Bắc, thị trấn Bình Dương)	4054/QĐ-UBND; 13/10/2019	14.119	4.502	3.115	-1.796	1.319	UBND huyện Phù Mỹ	
2	Cấp nước sinh hoạt xã Mỹ Châu	2536/QĐ-UBND; 12/9/2013 630/QĐ-UBND; 03/3/2017	39.039	29.280	4.097	-2.000	2.097	UBND huyện Phù Mỹ	
3	Đập dâng Cây Kê, xã Mỹ Quang, huyện Phù Mỹ	3463/QĐ-UBND; 27/9/2019	25.261	9.000	10.214	-9.214	1.000	UBND huyện Phù Mỹ	
	Dự án điều chỉnh tăng					13.010			

STT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt Chủ trương đầu tư/Dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025 (*)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (*)	Đầu mối giao kế hoạch	Ghi chú
		Số QĐ, ngày/ tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					
1	Nâng cấp, mở rộng và tu bổ tôn tạo di tích Địa điểm lịch sử chiến thắng Đèo Nhông, xã Mỹ Phong, huyện Phù Mỹ	3226/QĐ-UBND; 05/9/2017 4038/QĐ-UBND; 01/10/2021	35.800	28.656	16.656	5.645	22.301	UBND huyện Phù Mỹ	
2	Tuyến đường liên huyện từ thị trấn Phù Mỹ đi xã Cát Minh, huyện Phù Cát	63/NQ-HĐND ngày 10/12/2022	436.700	125.350	42.679	7.365	50.044	UBND huyện Phù Mỹ	

Ghi chú: (*): Không phân biệt nguồn vốn